

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1023/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 10 - 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Thùy Châu

Bà Cao Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 30.3.2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Công H, sinh năm 1980; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 29, KV6, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19.5.2005 tại UBND thị trấn N, huyện H, tỉnh K. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường nhưng từ năm 2016 phát sinh nhiều mâu

thuần nguyên nhân do cả hai không phù hợp về quan điểm sống, anh H làm nghề lái xe thường xuyên xa nhà vợ chồng ít có cơ hội gặp gỡ, nói chuyện dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Nay chị thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Công V sinh ngày 31.3.2007 và cháu Phan Công D sinh ngày 07.6.2010. Hiện hai cháu đang sống với chị, sức khỏe bình thường, nên ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 cháu V, D.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh H: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn anh H không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị T với bị đơn anh H là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung”. Anh H hiện cư trú tại Tổ 29, khu vực 6, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19.5.2005 tại UBND thị trấn N, huyện H, tỉnh K nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T do vợ chồng tính tình không phù hợp, mỗi người có một quan điểm sống riêng, anh B thường xuyên xa nhà, vợ chồng ít có cơ

hội gặp gỡ nói chuyện dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập để bị đơn anh H đến Tòa khai báo, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. Thấy rằng, tình cảm giữa chị T, anh H thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Công V sinh ngày 31.3.2007 và Phan Công D sinh ngày 07.6.2010. Hiện hai cháu đang sống với chị T, sức khỏe hai cháu bình thường. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét đến các điều kiện, hoàn cảnh thực tế của người nuôi dưỡng có đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường của đứa trẻ hay không. Qua xác minh, thấy rằng từ nhỏ các cháu đã sống cùng chị T, chị T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi các cháu. Mặt khác, nguyện vọng của các cháu V, D mong muốn được ở với mẹ. Do đó, cần giao hai cháu V, D cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Phan Công V sinh ngày 31.3.2007 và cháu Phan Công D sinh ngày 07.6.2010 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0006182 ngày 30.3.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q (chị T đã nộp xong).

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo họp lệ/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TANDTP. Quy Nhơn;
- UBND thị trấn N, huyện. H, tỉnh K;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Định